

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2022
V/v L hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về L hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyen T Ng L, sinh năm 1983 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh 10B, TT TH, huyện TH, tỉnh KG

- Bị đơn: Anh Nguyen Van T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Th, xã TL, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2021 chị Nguyen T Ng L trình bày: Chị L và anh T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1 Hiệp vào ngày 30/9/2013. Trong thời gian chung sống chị Ngọc và anh T có 02 con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Ngọc Yên Nh, sinh ngày 01/01/2012, hiện đang sống cùng chị tại huyện T1

Hiệp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã ra Tòa L hôn, nhưng xét thấy tình cảm vẫn còn nên chung sống lại với nhau được thời gian ngắn thì anh T bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác gần một năm nay. Nay chị xét thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh Nguyen Van T.

Về con chung chị xác định có 02 người con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, do cháu chưa đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001, đã đủ tuổi trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyen Van T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyen Van T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị L, anh T tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân chị L cho rằng anh T đã bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị L và anh T được biết thực tế cả hai không còn sống chung, anh T đã chung sống với người phụ nữ khác. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh T, nhưng anh T không nêu ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị L. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị L anh T đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung chị L, anh T có 02 người con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc được L hôn với anh Nguyen Van T. Về con chung: Giao cháu Nh cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Đối cháu T1 đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Thạnh Thới, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyen T Ng L với anh Nguyen Van T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2013, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1 Hiệp, huyện T1 Hiệp, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến L hôn chị L cho rằng giữa chị và anh T luôn

bất đồng quan điểm sống và hiện tại anh T cũng đã bỏ nhà đi sinh sống cùng người phụ nữ khác, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt và không có ý kiến phản hồi việc L hôn của chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống được biết anh T đã bỏ nhà đi sống cùng người phụ nữ khác và có đôi lúc dẫn người phụ nữ khác về thăm nhà tại địa phương. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của L hôn của chị đối với anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị L xác định chị và anh T có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, anh T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không thỏa thuận được về việc nuôi con sau khi L hôn. Do khi chị L và anh T không chung sống với nhau chị L là người trực chăm sóc nuôi dưỡng các con, để giữ ổn định cho sự phát triển của con nghị nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Riêng cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001, đã đủ tuổi trưởng thành chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyen T Ng L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyen T Ng L được L hôn với anh Nguyen Van T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 01/01/2012, cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Riêng cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 16/3/2001, đã đủ tuổi trưởng thành chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cháu Nh có nguyện vọng sống cùng với mẹ khi cha mẹ L hôn.

Anh Nguyen Van T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyen T Ng L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005608 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyen T Ng L, anh Nguyen Van T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Mỹ Nhên**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhân